

Số: 02/BC-PVHCC&KSTT

Hưng Yên, ngày 20 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO
Tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng 02 năm 2024

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động, Trung tâm Phục vụ hành chính công và Kiểm soát thủ tục hành chính (Trung tâm) báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng 02 năm 2024, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết tại Trung tâm

- Hiện tại, số thủ tục hành chính (TTHC) thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm là 1.352 thủ tục (số liệu thường xuyên thay đổi khi UBND tỉnh công bố danh mục TTHC mới ban hành hoặc bãi bỏ, thay thế). Trong đó: 1.314 của 15 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; 38 TTHC của Công an tỉnh và 02 cơ quan Trung ương tổ chức theo hệ thống ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh.

- Số TTHC được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ một phần, mức độ toàn trình là 1.273 TTHC, đạt tỷ lệ 94,15% (trong đó: 442 TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ một phần và 831 TTHC được cung cấp trực tuyến mức độ toàn trình).

2. Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm

- Trong kỳ, Trung tâm đã nhận mới trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa tỉnh 6.052 hồ sơ (trong đó: 1.227 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp; 4.825 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến), cụ thể như sau:

Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ	TRONG ĐÓ						
	Dịch vụ công khác	Dịch vụ công trực tuyến một phần			Dịch vụ công trực tuyến toàn trình		
	Hồ sơ tiếp nhận	Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Hồ sơ tiếp nhận trực tiếp	Hồ sơ tiếp nhận trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận	Hồ sơ tiếp nhận trực tiếp	Hồ sơ tiếp nhận trực tuyến
6.052	360	371	42	329	5.321	825	4.496

- Tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến đạt: 79,73%

- Xử lý 8.894 hồ sơ (hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 2.842 hồ sơ; hồ sơ tiếp nhận trong kỳ: 6.052 hồ sơ).

+ Hồ sơ đã giải quyết 7.271 hồ sơ (trong đó: hồ sơ giải quyết đúng và trước thời hạn là 7.230 hồ sơ đạt tỷ lệ 99,7%; hồ sơ giải quyết quá hạn¹ là 21 hồ sơ, tỷ lệ 0,3%); đã trả 5.631 kết quả giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

+ Hồ sơ đang giải quyết: 1.450 hồ sơ;

+ Hồ sơ đang tạm dừng: 126² hồ sơ;

+ Hồ sơ trả lại do không đủ điều kiện giải quyết: 0 hồ sơ;

+ Hồ sơ đã hủy: 11 hồ sơ;

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

- Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC tại Trung tâm qua hệ thống máy tính bảng trong tháng 02/2024:

Tổng số người tham ra đánh giá (người)	Trong đó					
	Rất hài lòng (người)	Tỷ lệ (%)	Hài lòng (người)	Tỷ lệ (%)	Không hài lòng (người)	Tỷ lệ (%)
266	266	100	0	0	0	0

(Chi tiết tại Phụ lục 2)

- Kết quả số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Trung tâm: 100% sở, ngành có TTHC tại Trung tâm thực hiện nghiêm quy định về số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ. Tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 93,06% cụ thể: Trong số 6.052 hồ sơ tiếp nhận có 5.587 hồ sơ số hóa (trong đó có 5.168 hồ sơ số hoá đầy đủ thành phần hồ sơ đạt tỷ lệ 85,39%); trong số 7.271 hồ sơ đã giải quyết có 7.230 hồ sơ có số hoá kết quả giải quyết, đạt tỷ lệ 99,44%).

(Chi tiết tại Phụ lục 3)

- Kết quả thu phí, lệ phí: Trung tâm phối hợp với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) tổ chức thu hộ phí, lệ phí giải quyết TTHC theo mô hình tập trung. Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ có thu phí, lệ phí giải quyết TTHC là 3.016 hồ sơ (trong đó có 1.898 hồ sơ thanh toán trực tuyến (gồm: 676 hồ sơ thanh toán trên Cổng dịch vụ công Quốc gia; 1.221 hồ sơ chuyển khoản qua Ngân hàng; 01 hồ sơ thanh toán qua Kho bạc, đạt tỷ lệ thanh toán trực tuyến 58,60%); tổng số tiền phí, lệ phí thu được là 1.154.179.000 đồng (trong đó: Phí, lệ phí thực hiện trên Cổng dịch vụ công Quốc gia là: 179.658.000đ; thực hiện giao dịch thanh toán trực tuyến là 602.856.000đ). Trung tâm đã

¹ Sở Tài nguyên và Môi trường 03 hồ sơ; Sở Tư pháp 18 hồ sơ.

² Công an tỉnh 125 hồ sơ; Công ty Điện lực Hưng Yên 01 hồ sơ

chuyển trả các sở, ngành và nộp Ngân sách nhà nước số tiền phí, lệ phí giải quyết TTHC trên, không có ý kiến khác. (Chi tiết tại Phụ lục 4)

- Kết quả hoạt động dịch vụ Bru chính công ích theo Quyết định số 45/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, theo thống kê của Bru điện tỉnh là 2.225 hồ sơ các cá nhân, tổ chức đăng ký nhận kết quả tại nhà (đã trả 2.187 kết quả giải quyết TTHC).

3. Một số nhiệm vụ khác

- Tiếp tục tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Triển khai một số nhiệm vụ để tiếp tục thực hiện tốt việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức đúng quy định đặc biệt là thời gian sau kỳ nghỉ Tết Nguyên đán năm 2024; theo dõi, đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức tại Trung tâm thực hiện nghiêm kỷ luật hành chính, kỷ cương công vụ, văn minh công sở theo Quy chế, Nội quy làm việc của Trung tâm.

- Tiếp tục triển khai thực hiện quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Văn phòng Chính phủ.

- Tuyên truyền, ứng dụng Hệ thống định danh và xác thực điện tử, đồng thời sử dụng tài khoản định danh điện tử Vneid trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh phục vụ người dân, doanh nghiệp

- Thường xuyên kiểm tra, rà soát các TTHC đến hạn giải quyết, kịp thời đôn đốc, các sở, ngành theo quy định; vận hành thiết bị, phần mềm giải quyết công việc, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi có yêu cầu.

- Cập nhật các TTHC của tỉnh đã được chuẩn hóa lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh.

- Vận hành Tổng đài thông tin dịch vụ công 1022 tỉnh Hưng Yên nhằm tăng cường cung ứng trực tuyến các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, thực hiện TTHC theo quy định thông qua hệ thống tổng đài 1022.

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác do UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh giao.

II. MỘT SỐ HẠN CHẾ

1. Thực hiện nội quy làm việc tại Trung tâm

Việc chấp hành nội quy hoạt động của Trung tâm cơ bản đã đi vào nề nếp. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng công chức, viên chức mặc trang phục đồng phục, đeo thẻ công chức khi thực hiện nhiệm vụ có lúc còn chưa thực hiện nghiêm.

2. Công tác tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC

- Một bộ phận người dân có sử dụng số điện thoại đi động không “chính chủ” hoặc chưa có tài khoản định danh mức độ 2, không sử dụng được tài khoản VneID để nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công (trong khi thực hiện TTHC trực tuyến yêu cầu bắt buộc số điện thoại chính chủ mới thực hiện được)

nên bắt buộc đến Trung tâm để thực hiện TTHC, dẫn đến tình trạng quá tải tại một số sở (sở Giao thông Vận tải, Tư pháp).

- Một số sở, ngành phải sử dụng dữ liệu chuyên dùng của ngành chủ quản qua phần mềm của các Bộ, ngành Trung ương nhưng chưa có giải pháp kết nối, tích hợp với Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC tỉnh hoặc kết nối chưa ổn định, cán bộ tiếp nhận TTHC phải nhập thông tin cùng lúc trên 02 hệ thống phần mềm nên việc tiếp nhận 01 hồ sơ TTHC mất nhiều thời gian (Sở Giao thông Vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư)

- Số lượng hồ sơ được đánh giá sự hài lòng trong giải quyết TTHC tại Trung tâm còn thấp có 266 lượt đánh giá, đạt tỷ lệ 4.40%. Nguyên nhân do một bộ phận cá nhân, người thực hiện TTHC không quan tâm đến đánh giá sự hài lòng trong giải quyết TTHC tại Trung tâm; một số công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ TTHC chưa hướng dẫn cá nhân, tổ chức thực hiện đánh giá sự hài lòng; Một số sở (Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Tài chính...) có tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến cao đạt 100%, nên không có đánh giá trực tiếp; Hệ thống đánh giá khi thực hiện hồ sơ trực tuyến có tỷ lệ đánh giá thấp, thiết bị đánh giá hoạt động chưa hiệu quả. Do đó kết quả đánh giá sự hài lòng trong giải quyết TTHC tại Trung tâm chưa đảm bảo kịp thời, chính xác, khách quan.

3. Cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của Trung tâm

- Khu vực được quy hoạch Bãi để xe ô tô của Trung tâm đã xuống cấp, thường xuyên bị ngập khi trời mưa, không đảm bảo thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp đỗ xe khi giao dịch tại Trung tâm; lán để xe không đủ chỗ để xe máy cho cán bộ, công chức và khách đến giao dịch.

- Trung tâm thiếu phòng làm việc, chưa có kho lưu trữ tài liệu phục vụ tra cứu, cung cấp thông tin cho các cơ quan có liên quan

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ

Trong thời gian tới, Trung tâm triển khai một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Tuyên truyền, ứng dụng Hệ thống định danh và xác thực điện tử, đồng thời sử dụng tài khoản định danh điện tử Vneid trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh phục vụ người dân, doanh nghiệp.

2. Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện quy trình số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết hồ sơ TTHC trên Cổng Dịch vụ công và Hệ thống phần mềm một cửa điện tử của tỉnh theo chỉ đạo của UBND tỉnh, Văn phòng Chính phủ; xây dựng Bộ tài liệu hướng dẫn về việc thực hiện lưu trữ hồ sơ TTHC điện tử trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

3. Phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện xây dựng kho quản lý dữ liệu điện tử hồ sơ TTHC tỉnh Hưng Yên và số hoá kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực.

4. Phối hợp với các đơn vị viễn thông, CNTT trên địa bàn tỉnh triển khai cung cấp một số dịch vụ tại Trung tâm nhằm phục vụ tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC tại Trung tâm.

5. Tiếp tục triển khai tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến cấp đổi Giấy phép lái xe trên Cổng dịch vụ công Quốc gia và nhận kết quả tại nhà qua dịch vụ Bưu chính công ích.


6. Đẩy mạnh hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tạo tài khoản hoặc sử dụng tài khoản VneiD để nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công của tỉnh và nhận kết quả giải quyết TTHC tại nhà qua dịch vụ bưu chính công ích nhằm tăng cường tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến; phấn đấu năm 2023 đạt trên 70% tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến.

7. Triển khai một số nhiệm vụ để tiếp tục thực hiện tốt việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức đúng quy định; theo dõi, đôn đốc cán bộ, công chức, viên chức tại Trung tâm thực hiện nghiêm kỷ luật hành chính, kỷ cương công vụ, văn minh công sở theo Quy chế, Nội quy làm việc của Trung tâm; Thực hiện nghiêm, đầy đủ, đúng quy định về niêm yết, công khai, cập nhật thông tin về TTHC thực hiện tại Trung tâm trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống phần mềm một cửa của tỉnh.

8. Rà soát các TTHC sắp đến hạn để đôn đốc các sở, ngành giải quyết đảm bảo đúng thời hạn quy định.

9. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền về các hoạt động của Trung tâm năm 2024 nhằm tăng cường phục vụ người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện TTHC.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh giao.

Trung tâm Phục vụ hành chính công và Kiểm soát thủ tục hành chính trân trọng báo cáo./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ngành có liên quan;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Trung tâm PVHCC&KSTTHC;
- Lưu: VT, HC-TH.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đỗ Cao Công

BÁO CÁO

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ ngày 16/01/2024 đến ngày 15/02/2024



STT	Tổng số	Hồ sơ tiếp nhận			Hồ sơ đã giải quyết			Hồ sơ chưa giải quyết			Hồ sơ đang tạm dừng	Hồ sơ trả lại do không đủ điều kiện giải quyết	Hồ sơ đã hủy	Tỷ lệ giải quyết đúng hạn %	Tỷ lệ giải quyết quá hạn %	Ghi chú
		Hồ sơ trực tiếp qua	Hồ sơ trực tiếp	Hồ sơ online	Tổng số hồ sơ	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số hồ sơ	Trong hạn	Quá hạn						
1	15	6	0	9	15	15	0	0	0	0	10	0	100.0%	0.0%		
2	164	34	0	108	154	154	0	10	10	0	131	0	100.0%	0.0%		
3	266	214	8	29	232	232	0	33	33	0	150	0	100.0%	0.0%		
4	2.649	1.029	500	1.120	1.985	1.985	0	659	659	0	1.390	0	100.0%	0.0%		
5	105	78	0	27	100	100	0	4	4	0	1	0	100.0%	0.0%		
6	15	4	0	11	15	15	0	0	0	0	4	0	100.0%	0.0%		
7	852	363	16	393	478	475	3	373	367	6	184	0	99.4%	0.6%		
8	2.078	7	1	2.070	2.074	2.074	0	4	4	0	2.025	0	100.0%	0.0%		
9	61	12	0	32	49	49	0	11	11	0	29	0	100.0%	0.0%		
10	39	1	0	37	39	39	0	0	0	0	19	0	100.0%	0.0%		
11	470	156	72	85	360	360	0	109	109	0	287	0	100.0%	0.0%		
12	33	14	1	3	32	32	0	1	1	0	11	0	100.0%	0.0%		
13	1.382	641	316	3	1.177	1.159	18	205	146	59	1.095	0	98.5%	1.5%		
14	14	2	0	11	13	13	0	1	1	0	3	0	100.0%	0.0%		
15	177	20	0	11	166	166	0	10	10	0	7	0	100.0%	0.0%		
16	13	1	12	0	12	12	0	0	0	0	11	1	100.0%	0.0%		
17	7	0	7	0	7	7	0	0	0	0	6	0	100.0%	0.0%		
18	555	261	294	0	363	363	0	67	67	0	268	125	100.0%	0.0%		
	8.895	2.843	1.227	361	7.271	7.250	21	1.487	1.422	65	5.631	126	99.7%	0.3%		

Lưu ý: Hồ sơ TTHC của Công an tỉnh thực hiện tại Trung tâm được giải quyết trực tuyến trên Hệ thống phần mềm chuyên ngành và nhập lại trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để theo dõi, giám sát và thu phí, lệ phí nên không có tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến

STT	Đơn vị	Họ và tên	Số lượng hồ sơ tiếp nhận	Kết quả đánh giá hài lòng							
				Tổng số hồ sơ được đánh giá		Rất hài lòng		Hài lòng		Không hài lòng	
				Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
15	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Nguyễn Thị Hương	1	100	1	100	0	0	0	0	
16	Sở Nội Vụ	Đỗ Thị Phương	27	0	0	0	0	0	0	0	
17	Sở Thông tin và Truyền thông	Nguyễn Thị Ngọc Anh	9	88,9	8	100	0	0	0	0	
18	Sở Tài Nguyên Môi Trường	Nguyễn Thị Thanh Huyền	484	0	0	0	0	0	0	0	
19	Sở Tài Nguyên Môi Trường	Tạ Hữu Hạnh	5	0	0	0	0	0	0	0	
20	Sở Tài chính	Trần Thị Chung	11	100	11	100	0	0	0	0	
21	Sở Tư pháp	Đào Thị Nguyễn	741	0	0	0	0	0	0	0	
22	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Nguyễn Thị Vết	12	0	0	0	0	0	0	0	
23	Sở Xây dựng	Nguyễn Thị Thược	157	94,3	148	100	0	0	0	0	
24	Sở Y Tế tỉnh Hưng Yên	Nguyễn Trung Kiên	15	0	0	0	0	0	0	0	
25	Sở Y Tế tỉnh Hưng Yên	Nguyễn Tiến Hùng	37	0	0	0	0	0	0	0	
26	Điện Lực Hưng Yên	Đào Thị Ngọc Yến	7	0	0	0	0	0	0	0	
27	Điện Lực Hưng Yên	Đặng Thị Vui	5	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng cộng			6052	4,40%	266	100,00%	0	0,00%	0	0,00%	

THỐNG KÊ TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỐ HOÁ HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Từ ngày 16 tháng 01 năm 2024 đến ngày 15 tháng 02 năm 2024)

STT	Đơn vị	Số hoá hồ sơ TTHC khi Tiếp nhận						Số hoá kết quả giải quyết TTHC				Tỷ lệ số hoá hồ sơ (%)
		Số hồ sơ Tiếp nhận	Số hồ sơ chưa hoá TP/HS	Số hồ sơ thành phần HS	Số hồ sơ đầy đủ thành phần hồ sơ	Tỷ lệ số hoá đầy đủ thành phần HS khi tiếp nhận (%)	Số hồ sơ đã giải quyết	Số hồ sơ chưa hoá kết quả TTHC	Số hồ sơ có số hoá kết quả	Tỷ lệ số hoá kết quả (%)		
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)/(1)	(6)	(7)	(8)	(9) = (8)/(6)	(10) = (4+8)/(1+6)	
1	Sở Thông tin và Truyền thông	9	0	9	9	100,00	15	0	15	100,00	100,00	
2	Sở Kế hoạch và Đầu tư	130	10	120	72	55,38	154	0	154	100,00	79,58	
3	Sở Y Tế tỉnh Hưng Yên	52	0	52	48	92,31	232	1	231	99,57	98,24	
4	Sở Giao thông Vận tải	1.620	153	1.467	927	57,22	1.985	0	1.985	100,00	80,78	
5	Sở Nội Vụ	27	0	27	26	96,30	100	0	100	100,00	99,21	
6	Sở Tài chính	11	0	11	11	100,00	15	0	15	100,00	100,00	
7	Sở Tài Nguyên Môi Trường	489	5	484	384	78,53	478	26	452	94,56	86,45	
8	Sở Công thương	2.071	3	2.068	2.068	99,86	2.074	0	2.074	100,00	99,93	
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	49	0	49	48	97,96	49	0	49	100,00	98,98	
10	Sở Khoa học và Công nghệ	38	0	38	38	100,00	39	0	39	100,00	100,00	
11	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	314	0	314	307	97,77	360	0	360	100,00	98,96	
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	19	0	19	19	100,00	32	0	32	100,00	100,00	
13	Sở Tư pháp	741	0	741	732	98,79	1.177	1	1.176	99,92	99,48	
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	12	0	12	12	100,00	13	0	13	100,00	100,00	
15	Sở Xây dựng	157	0	157	154	98,09	166	0	166	100,00	99,07	
16	Điện Lực Hưng Yên	12	0	12	12	100,00	12	8	4	33,33	66,67	
17	Bảo hiểm xã hội	7	0	7	7	100,00	7	5	2	28,57	64,29	
18	Công An Tỉnh	294	0	294	294	100,00	363	0	363	100,00	100,00	
	Tổng số	6.052	171	5.587	5.168	85,39	7.271	41	7.230	99,44	93,06	

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ THU PHÍ, LỆ PHÍ

Từ ngày 16/01/2024 đến ngày 15/02/2024

STT	Cơ quan	Số lượng hồ sơ có phí. Lệ phí	Số phát sinh		Tổng cộng	DVCQG		Số chuyển khoản		Số thực tế thu		Ghi chú
			Phí	Lệ phí		Phí	Lệ phí	Phí	Lệ phí	Phí	Lệ phí	
I		3	5	6	7=5+6	8	9	10	11	12=5-8-10	13=6-9-11	15
1	Bảo hiểm xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Công An Tỉnh	235	0	13.850.000	13.850.000	0	0	0	1.020.000	0	12.830.000	0
3	Sở Công thương	4	2.100.000	0	2.100.000	600.000	0	1.200.000	0	300.000	0	0
4	Sở Giao thông Vận tải	1.453	31.250.000	167.155.000	198.405.000	8.500.000	35.920.000	9.050.000	69.780.000	13.700.000	61.455.000	0
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Sở Khoa học và Công nghệ	1	2.700.000	200.000	2.900.000	0	0	2.700.000	200.000	0	0	0
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	64	3.200.000	3.100.000	6.300.000	1.500.000	950.000	400.000	1.300.000	1.300.000	850.000	0
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	106	0	58.350.000	58.350.000	0	15.450.000	0	24.750.000	0	18.150.000	0
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	17	4.260.000	1.075.000	5.335.000	2.560.000	950.000	1.700.000	125.000	0	0	0
10	Sở Nội Vụ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Sở Thông tin và Truyền thông	5	6.210.000	50.000	6.260.000	2.895.000	50.000	0	0	3.315.000	0	0
12	Sở Tài chính	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Sở Tài Nguyên Môi Trường	425	461.100.000	22.015.000	483.115.000	5.350.000	270.000	324.300.000	17.940.000	131.450.000	3.805.000	0
14	Sở Tư pháp	734	147.285.000	0	147.285.000	58.870.000	0	31.745.000	0	56.670.000	0	0
15	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	9	22.550.000	0	22.550.000	21.250.000	0	1.300.000	0	0	0	0
16	Sở Xây dựng	28	119.649.000	7.180.000	126.829.000	813.000	7.030.000	100.446.000	0	18.390.000	150.000	0
17	Sở Y Tế tỉnh Hưng Yên	42	80.900.000	0	80.900.000	16.700.000	0	14.900.000	0	49.300.000	0	0
18	Điện Lực Hưng Yên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng		3.123	881.204.000	272.975.000	1.154.179.000	119.038.000	60.620.000	487.741.000	115.115.000	274.425.000	97.240.000	